BỘ TÀI CHÍNH

**CỤC THỐNG KÊ**

**DỰ THẢO**

**ĐỀ ÁN XÂY DỰNG VÀ CÔNG BỐ**

**MỨC SỐNG TỐI THIỂU HẰNG NĂM LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH CÁC CHUẨN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**Năm 2025**

**MỤC LỤC**

[PHẦN MỞ ĐẦU 4](#_Toc208476900)

[I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN 6](#_Toc208476901)

[1.1. Sự cần thiết của Đề án 6](#_Toc208476902)

[1.1.1. Khái niệm mức sống tối thiểu 6](#_Toc208476903)

[1.1.2. Vai trò của mức sống tối thiểu của dân cư trong xác định các chuẩn chính sách xã hội 6](#_Toc208476904)

[1.1.3. Vai trò của mức sống tối thiểu của người lao động trong xác định các chuẩn chính sách xã hội 15](#_Toc208476905)

[1.2. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án 19](#_Toc208476906)

[II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN 20](#_Toc208476907)

[2.1. Quan điểm xây dựng Đề án 20](#_Toc208476908)

[2.2. Mục tiêu của Đề án 21](#_Toc208476909)

[2.2.1. Mục tiêu tổng quát 21](#_Toc208476910)

[2.2.2. Mục tiêu cụ thể 21](#_Toc208476911)

[III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN 22](#_Toc208476912)

[3.1. Nghiên cứu cải tiến Phương án KSMS và triển khai KSMS theo Phương án được cải tiến để đảm bảo nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT của dân cư cho khu vực thành thị và nông thôn 22](#_Toc208476913)

[3.2. Nghiên cứu xây dựng phương pháp tính và nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT của người lao động 22](#_Toc208476914)

[3.3. Tính toán MSTT của dân cư và MSTT của người lao động 23](#_Toc208476915)

[3.4. Xây dựng kế hoạch công bố số liệu MSTT của dân cư và MSTT của người lao động hằng năm 23](#_Toc208476916)

[IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 23](#_Toc208476917)

[4.1. Tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành để thực hiện Đề án 23](#_Toc208476918)

[4.2. Nghiên cứu phương pháp luận và kinh nghiệm của quốc tế về tính toán và công bố số liệu MSTT của dân cư và MSTT của người lao động 23](#_Toc208476919)

[4.3. Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác thu thập, tính toán và công bố số liệu về MSTT của dân cư và MSTT của người lao động 24](#_Toc208476920)

[4.4. Bảo đảm cơ sở vật chất, nhân lực và nguồn lực tài chính thực hiện Đề án 24](#_Toc208476921)

[V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 25](#_Toc208476922)

[5.1. Lộ trình thực hiện Đề án 25](#_Toc208476923)

[5.2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính 25](#_Toc208476924)

[5.3. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường 25](#_Toc208476925)

[5.4. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ 26](#_Toc208476926)

[5.5. Trách nhiệm của Bộ Y tế 26](#_Toc208476927)

[5.6. Trách nhiệm của Hội đồng tiền lương quốc gia 26](#_Toc208476928)

[5.7. Trách nhiệm của Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 26](#_Toc208476929)

[VI. TÍNH KHẢ THI, TÍNH HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ 27](#_Toc208476930)

[6.1. Tính khả thi của Đề án 27](#_Toc208476931)

[6.2. Tính hiệu quả của Đề án 27](#_Toc208476932)

[6.3. Đề xuất, kiến nghị 28](#_Toc208476933)

[PHỤ LỤC 01. DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 29](#_Toc208476934)

[PHỤ LỤC 02. DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG VÀ CÔNG BỐ MỨC SỐNG TỐI THIỂU HẰNG NĂM 32](#_Toc208476935)

# [PHẦN MỞ ĐẦU](#_Toc176896813)

Mức sống tối thiểu là tiêu chí rất quan trọng được sử dụng làm căn cứ để xác định các chuẩn chính sách xã hội. Điều này được thể hiện trong nội dung của Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 BCH TW khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, đó là “Bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo” và “Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Tiếp tục nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, sàn an sinh xã hội quốc gia; Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

Vai trò của mức sống tối thiểu còn được nêu trong Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018, Hội nghị lần thứ 7 BCH TW khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, đó là “Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình người hưởng lương, đặt trong mối quan hệ với các yếu tố của thị trường lao động và phát triển kinh tế - xã hội (cung - cầu lao động, tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng, năng suất lao động, việc làm, thất nghiệp, khả năng chi trả của doanh nghiệp...)”, đồng thời giao nhiệm vụ “Cơ quan thống kê của Nhà nước công bố mức sống tối thiểu hằng năm để làm căn cứ xác định mức lương tối thiểu và khuyến nghị các định hướng chính sách tiền lương”.

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, trong Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 BCH TW khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Đề án *“*Xây dựng và công bố mức sống tối thiểu hằng năm làm căn cứ xác định các chuẩn chính sách xã hội*”.* Đề án đã được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) giao Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê) chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan dự thảo trình Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đề án được trình bày trong 6 phần chính:

(1) Sự cần thiết và căn cứ pháp lý xây dựng Đề án;

(2) Quan điểm xây dựng và mục tiêu của Đề án;

(3) Nhiệm vụ chủ yếu của Đề án;

(4) Giải pháp thực hiện Đề án;

(5) Tổ chức thực hiện Đề án;

(6) Tính khả thi, tính hiệu quả của Đề án và đề xuất, kiến nghị.

Cục Thống kê và Ban Biên soạn Đề án chân thành cảm ơn sự phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm, hiệu quả của các Bộ, ngành và các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác trong quá trình xây dựng Dự thảo Đề án./.

**CỤC THỐNG KÊ**

# I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

# 1.1. Sự cần thiết của Đề án

# 1.1.1. Khái niệm mức sống tối thiểu

Mức sống là một khái niệm, liên quan đến sự phát triển và thỏa mãn nhu cầu của xã hội nói chung và nhu cầu của con người nói riêng.

Theo Viện ngôn ngữ học (1994), mức sống là mức đạt được của các điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần. Còn theo Từ điển Bách khoa Việt Nam (2002), mức sống là phạm trù kinh tế - xã hội đặc trưng mức thỏa mãn nhu cầu về thể chất, tinh thần và xã hội của con người.

Theo Nguyễn Văn Ngọc (2006) mức sống (standard of living) là khái niệm phản ánh điều kiện sinh hoạt vật chất của các cá nhân trong nền kinh tế. Mức sống là một khái niệm, liên quan đến sự phát triển và thỏa mãn nhu cầu của xã hội nói chung và nhu cầu của con người nói riêng.

Franklin (1967) khái quát định nghĩa nhu cầu tối thiểu của con người như sau: Khái niệm về nhu cầu tối thiểu của con người bao gồm trước hết là những nhu cầu về thể chất – những gì cần thiết để tồn tại và duy trì khả năng làm việc.

Mức sống tối thiểu (MSTT) là khoản tiền đảm bảo chi trả đủ các nhu cầu về vật chất cũng như tinh thần của con người để có được một thể chất và tâm lý bình thường.

MSTT là tiêu chí rất quan trọng được sử dụng làm căn cứ để xác định các chuẩn chính sách xã hội như chuẩn nghèo, mức lương tối thiểu, mức trợ cấp xã hội. Ngoài ra, MSTT còn là c**ông cụ giám sát biến động giá cả và chi phí sinh hoạt thông qua việc** nhận diện xu hướng biến động giá hàng hóa và dịch vụ thiết yếu, qua đó điều chỉnh kịp thời chính sách tiền tệ, tài khóa và an sinh.

Hiện nay, MSTT ở Việt Nam được chia thành 2 loại căn cứ vào đối tượng được áp dụng, đó là MSTT của dân cư nói chung và MSTT của riêng người lao động.

# 1.1.2. Vai trò của mức sống tối thiểu của dân cư trong xác định các chuẩn chính sách xã hội

*- Khái niệm và phương pháp tính MSTT của dân cư*

MSTT của dân cư là khoản tiền đảm bảo chi trả đủ các nhu cầu về vật chất cũng như tinh thần của con người nói chung để có được một thể chất và tâm lý bình thường. Hiểu một cách đơn giản, MSTT là trị giá của các mặt hàng lương thực, thực phẩm (LTTP) và phi LTTP thiết yếu để đảm bảo các nhu cầu tối thiểu nhất mà mỗi người cần phải có để sinh sống. Như vậy, MSTT gồm nhu cầu tiêu dùng về các mặt hàng LTTP và phi LTTP, trong đó tiêu chí để xác định khối lượng các mặt hàng LTTP thiết yếu trong MSTT là lượng Calo mà các mặt hàng này cung cấp để con người có được một thể chất và tâm lý bình thường.

Phương pháp tính MSTT của dân cư được sử dụng phổ biến hiện nay là phương pháp *Trị giá các nhu cầu tối thiểu* (Cost of Basic Need Method - CBN). Theo đó, MSTT là trị giá của các mặt hàng LTTP và phi LTTP thiết yếu đảm bảo các nhu cầu về vật chất cũng như tinh thần của con người để có được một thể chất và tâm lý bình thường.

Khối lượng các mặt hàng LTTP thiết yếu trong MSTT là lượng Calo mà các mặt hàng này cung cấp để con người có được một thể chất và tâm lý bình thường. Lượng Calo này phụ thuộc vào thể trạng con người ở từng quốc gia.

*- Kinh nghiệm quốc tế trong tính toán, công bố, sử dụng số liệu về MSTT của dân cư.*

(1) Vương quốc Anh

Khái niệm

Ở Anh sử dụng thuật ngữ Minimum Income Standard (MIS) – tiêu chuẩn thu nhập tối thiểu, mức sống tối thiểu không chỉ là mức thu nhập để đảm bảo nhu cầu sinh tồn cơ bản, mà là mức sống mà người dân cần để tham gia đầy đủ vào xã hội hiện đại, đảm bảo cuộc sống có phẩm giá (dignified living).

Phương pháp tính

+ Cách tiếp cận định hướng xã hội

* + Không áp dụng một mức cố định, mà dựa trên các nhóm thảo luận cộng đồng (focus group) đại diện cho từng loại hộ gia đình để xác định:

“Một người/nhóm người cần những gì để sống tối thiểu, nhưng có phẩm giá, được xã hội chấp nhận, và có thể tham gia đầy đủ vào đời sống cộng đồng.”

* + Sau đó, các chuyên gia xác thực lại danh sách hàng hóa/dịch vụ theo tiêu chuẩn dinh dưỡng, tiêu chuẩn nhà ở, y tế, giao thông…

+ MIS được tính riêng theo từng loại hộ gia đình: người độc thân, cặp vợ chồng có con nhỏ, người về hưu, người khuyết tật...

+ Được cập nhật hàng năm để phản ánh thay đổi về giá cả, điều kiện sống và kỳ vọng xã hội.

Công bố số liệu

+ MIS được công bố công khai hàng năm tại website của Viện Joseph Rowntree Foundation (JRF) và Trung tâm nghiên cứu Chính sách xã hội (CRSP).

+ Các báo cáo bao gồm:

* + Bảng chi tiết mức thu nhập cần thiết cho từng loại hộ gia đình.
  + Diễn giải phương pháp và cơ sở xây dựng.
  + Phân tích tác động của chính sách an sinh hiện hành (lương tối thiểu, trợ cấp, thuế) so với mức MIS.

Sử dụng số liệu

MIS không phải là tiêu chuẩn pháp lý, nhưng được sử dụng rộng rãi để:

+ Đánh giá mức sống và tỷ lệ đói nghèo thực chất (beyond poverty lines).

+ Hỗ trợ hoạch định chính sách tiền lương, phúc lợi và thuế. Ví dụ: so sánh mức lương tối thiểu quốc gia (National Minimum Wage) với MIS để điều chỉnh mức lương đủ sống “living wage”).

+ Là cơ sở để tổ chức Living Wage Foundation xác định mức lương đủ sống khuyến nghị cho doanh nghiệp trả công công bằng cho người lao động.

+ Cung cấp dữ liệu cho các tổ chức xã hội, từ thiện trong việc xây dựng chương trình hỗ trợ hộ nghèo.

(2) Trung Quốc

Khái niệm

Tại Trung Quốc, mức sống tối thiểu được nhắc đến trong “chế độ đảm bảo mức sống tối thiểu” (Dibao). Dibao là chính sách hỗ trợ thu nhập quan trọng nhất trong hệ thống an sinh xã hội Trung Quốc, áp dụng từ năm 1999 trên toàn quốc với mục tiêu là bảo đảm những người dân có thu nhập thấp nhất không rơi vào cảnh cùng cực, đặc biệt ở khu vực đô thị và nông thôn.

Phương pháp tính

Mức sống tối thiểu (Mức Dibao) được xác định riêng cho từng địa phương (tỉnh/thành phố, quận/huyện), phù hợp với mức sống và điều kiện kinh tế vùng miền. Cách tính phổ biến:

+ Dựa trên chi phí cơ bản cần thiết để đảm bảo cuộc sống tối thiểu gồm:

* Lương thực – thực phẩm đủ dinh dưỡng.
* Quần áo, chỗ ở, điện, nước sinh hoạt.
* Chi phí thiết yếu về giáo dục, y tế, giao thông tối thiểu.

+ Căn cứ vào mức chi tiêu bình quân của 20–30% hộ nghèo nhất tại địa phương để xác định mức sàn.

+ Chính quyền cấp huyện hoặc thành phố là nơi quyết định mức Dibao cụ thể, thường được điều chỉnh định kỳ 1–2 năm/lần.

Công bố số liệu

+ Mức Dibao được công khai tại địa phương, thường thông qua: Cổng thông tin của chính quyền tỉnh/thành phố; Niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan chính quyền cấp xã hoặc tổ dân phố.

+ Mỗi địa phương có thể có mức Dibao khác nhau, ví dụ: Ở các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải: mức Dibao cao hơn hẳn do chi phí sinh hoạt cao. Ở nông thôn miền núi nghèo: mức Dibao thấp hơn.

Sử dụng số liệu

Dibao là xương sống của hệ thống xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội ở Trung Quốc trong suốt hơn 2 thập niên qua.

+ Đối tượng được hưởng Dibao là:

* + Cá nhân/hộ gia đình có thu nhập trung bình dưới mức Dibao tại địa phương.
  + Phải qua xác minh tài sản và điều kiện sống, có thể bị loại nếu có ô tô, nhà lớn, đi học trường quốc tế,...

+ Người dân thuộc diện Dibao được:

* + Trợ cấp tiền mặt hằng tháng để bù phần thu nhập thiếu so với mức sàn.
  + Hưởng ưu tiên về y tế, giáo dục, nhà ở, miễn/giảm học phí, khám chữa bệnh, bảo hiểm y tế...
  + Một số địa phương còn liên kết Dibao với các hỗ trợ khác, ví dụ: hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề, an sinh xã hội.

Tuy nhiên, từ sau 2015, Chính phủ Trung Quốc thực hiện nhiều cải cách:

+ Kết hợp Dibao với hỗ trợ mục tiêu giảm nghèo đa chiều, không chỉ dựa vào thu nhập.

+ Thắt chặt kiểm tra điều kiện hưởng Dibao, tránh trục lợi và sai lệch.

+ Tăng cường ứng dụng dữ liệu lớn và nền tảng số để giám sát, rà soát đối tượng một cách minh bạch, hiệu quả hơn.

Năm 2021, Dibao tiếp tục được sử dụng như mạng lưới an sinh cuối cùng (last safety net) sau khi Trung Quốc công bố xóa nghèo tuyệt đối.

(3) Thái Lan

Khái niệm

Ở Thái Lan thuật ngữ mức sống tối thiểu được sử dụng trong nhiều bối cảnh khác nhau như: Chuẩn nghèo quốc gia (National Poverty Line), Mức lương đủ sống (Living Wage), Chi phí sinh hoạt tối thiểu (Minimum Cost of Living). Các khái niệm này đều nhằm xác định mức chi tiêu hoặc thu nhập cần thiết để đáp ứng các nhu cầu cơ bản như: thực phẩm, nhà ở, y tế, giáo dục và giao thông.

Phương pháp tính

### **+** Chuẩn nghèo quốc gia (National Poverty Line)

Sử dụng phương pháp *Trị giá các nhu cầu tối thiểu* (Cost of Basic Needs - CBN) – tương tự như phương pháp được khuyến nghị bởi Ngân hàng Thế giới dựa trên chi tiêu tiêu dùng tối thiểu, cụ thể là:

* + Tính toán giỏ hàng hóa và dịch vụ cơ bản
  + Xác định giá trung bình của các hàng hóa thiết yếu (thực phẩm, chỗ ở, y tế, v.v.)
  + Tính theo từng khu vực (đô thị/nông thôn)

### + Mức lương đủ sống (Living Wage)

* + Phân tích chi phí sinh hoạt thực tế của hộ gia đình.
  + Cân nhắc các yếu tố như số người phụ thuộc, lạm phát, chi phí bất thường.

Công bố số liệu

+ Chuẩn nghèo quốc gia được Văn phòng Hội đồng Phát triển Kinh tế và Xã hội Quốc gia Thái Lan (NESDC) cập nhật 2–3 năm/lần, dựa trên dữ liệu từ Khảo sát chi tiêu và thu nhập hộ gia đình quốc gia (SES).

+ Các số liệu chính thức được công bố qua: Báo cáo hàng năm, Trang web của NESDC, Báo cáo trình quốc tế (ví dụ SDGs, World Bank).

Sử dụng số liệu

+ Là cơ sở xác định người nghèo để cấp thẻ phúc lợi quốc gia, hưởng các chương trình trợ cấp tiền mặt, giáo dục, y tế.

+ Dữ liệu về chi phí sinh hoạt tối thiểu được sử dụng để tham khảo khi Ủy ban Tiền lương xem xét điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng hàng năm.

+ Là chỉ số đo lường tiến bộ trong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững SDG 1.

(4) Phi-lip-pin

Khái niệm

Ở Phi-lip-pin thuật ngữ liên quan đến mức sống tối thiểu được sử dụng trong ba khung chính sách khác nhau:

Chuẩn nghèo quốc gia (Poverty Threshold): Được định nghĩa là mức thu nhập tối thiểu cần thiết để đáp ứng nhu cầu cơ bản về thực phẩm và phi thực phẩm.

Lương tối thiểu vùng (Regional Minimum Wage): Là mức lương tối thiểu được xác lập nhằm đảm bảo người lao động có thể đáp ứng mức sống cơ bản, do các Hội đồng tiền lương khu vực ấn định.

Mức chi tiêu các nhu cầu tối thiểu (Basic Needs Expenditure): Được sử dụng để xác định mức sống tối thiểu, giúp đánh giá mức độ đủ sống của các hộ gia đình.

Phương pháp tính

### **+ Chuẩn nghèo quốc gia (Poverty Threshold)**

Sử dụng phương pháp *Trị giá các nhu cầu tối thiểu* (Cost of Basic Needs - CBN) – tương tự như phương pháp được khuyến nghị bởi Ngân hàng Thế giới dựa trên **chi tiêu tiêu dùng tối thiểu**, cụ thể gồm 2 phần:

* + Food Threshold: Mức chi tiêu tối thiểu cho nhu cầu dinh dưỡng (2.000 Kcal/người/ngày)
  + Non-food allowance: Ước tính phần chi tiêu cho nhà ở, giáo dục, y tế, quần áo, đi lại...
  + Các chuẩn được phân tách theo khu vực, phản ánh mức sống khác nhau giữa các tỉnh/thành.

### + Mức **lương đủ sống (Living Wage)**

**Mức lương đủ sống** được đánh giá dựa trên:

* + Giá cả hàng hóa thiết yếu
  + Nhu cầu sinh hoạt cơ bản
  + Khả năng chi trả của doanh nghiệp
  + Tình hình thị trường lao động địa phương

Công bố số liệu

Chuẩn nghèo quốc gia được Cơ quan Thống kê Phi-lip-pin (PSA) công bố hằng năm, thường kèm theo số liệu nghèo đa chiều.

Lương tối thiểu vùng được cập nhật theo đề xuất của các Các Hội đồng Tiền lương và Năng suất khu vực (RTWPBs**)**, có thể thay đổi vài lần/năm tùy tình hình lạm phát và thị trường lao động.

Tất cả được công khai trên website Chính phủ, kèm giải thích về phương pháp và căn cứ.

Sử dụng số liệu

### **+ Xác định hộ nghèo**

* Các hộ có thu nhập bình quân đầu người thấp hơn **chuẩn nghèo quốc gia** được xác định là hộ nghèo để nhận trợ giúp từ:
  + Chương trình Pantawid Pamilyang Pilipino Program (4Ps – Chuyển tiền có điều kiện).
  + Hỗ trợ giáo dục, y tế, lương thực.

### + **Quy định lương tối thiểu**

Mức lương tối thiểu ở mỗi vùng phải đảm bảo **không thấp hơn mức chi tiêu sống cơ bản** của một gia đình bình thường (thường tính cho hộ có 5 người).

### + **Theo dõi mục tiêu SDGs**

Là chỉ số giám sát tiến trình giảm nghèo và bất bình đẳng xã hội

(5) Hàn Quốc

Khái niệm

Theo Luật Phúc lợi Quốc gia, “mức sống tối thiểu” (Minimum Cost of Living – MCL) là mức thu nhập hoặc chi tiêu tối thiểu cần thiết để duy trì cuộc sống cơ bản về dinh dưỡng, nhà ở, y tế, giáo dục, quần áo và các nhu cầu thiết yếu khác.

Phương pháp tính

Hàn Quốc áp dụng phương pháp kết hợp:

### **+ Cách tiếp cận chi phí nhu cầu (Cost-of-needs approach)**:

* Dựa trên **giỏ hàng hóa và dịch vụ thiết yếu** (lương thực, nhà ở, y tế, quần áo, giáo dục, năng lượng, đi lại…).
* Giỏ hàng hóa được **điều chỉnh định kỳ** để phù hợp với mức giá và nhu cầu xã hội.

### **+ Cách tiếp cận tỷ lệ thu nhập trung vị (Relative approach)**:

* Bổ sung so sánh với **mức thu nhập trung vị quốc gia**.
* Chuẩn mức sống tối thiểu không quá cách biệt với mức sống chung của xã hội, tránh loại trừ xã hội.

### + **Nguồn dữ liệu sử dụng**:

* Khảo sát Thu nhập và Chi tiêu hộ gia đình (Household Income & Expenditure Survey – HIES).
* Điều tra giá cả của Cục Thống kê Hàn Quốc.
* Khảo sát điều kiện sống xã hội.

### + **Quy trình xây dựng**:

* Được thảo luận trong **Hội đồng Mức sống tối thiểu quốc gia (Minimum Cost of Living Committee)** gồm: cơ quan nhà nước, học giả, chuyên gia độc lập và tổ chức xã hội.
* Mức sống tối thiểu được điều chỉnh hàng năm dựa trên **CPI (Chỉ số giá tiêu dùng)** và tình hình kinh tế.

Công bố số liệu

+ Cơ quan công bố: Bộ Y tế & Phúc lợi Hàn Quốc.

+ Tần suất: công bố chính thức hàng năm vào khoảng tháng 7–8 để áp dụng cho năm tiếp theo.

+ Thông tin được đăng tải công khai trên Cổng thông tin của chính phủ, truyền thông đại chúng và văn bản gửi tới các chính quyền địa phương.

+ Nội dung công bố: mức sống tối thiểu theo quy mô hộ gia đình, tỷ lệ điều chỉnh so với năm trước, các yếu tố kinh tế - xã hội tác động.

Sử dụng số liệu

+ Xác định đối tượng được hưởng trợ cấp: Là chuẩn để đánh giá hộ nghèo và hộ cận nghèo trong Chương trình Trợ cấp sinh hoạt Quốc gia (NBLS). Nếu thu nhập/hỗ trợ nhận được < mức sống tối thiểu → đủ điều kiện hưởng trợ cấp.

+ Làm chuẩn trong chính sách xã hội: Được sử dụng để định mức các khoản trợ cấp nhà ở, y tế, giáo dục và sinh hoạt.

+ Tham chiếu trong việc xác định mức lương tối thiểu.

+ Định hướng an sinh dài hạn: Là chỉ số phản ánh mức sống cơ bản của toàn xã hội và giúp Chính phủ hoạch định chính sách giảm nghèo, phân phối thu nhập.

*Bài học kinh nghiệm*

(1) Về khái niệm MSTT: các quốc gia đều xác định MSTT là mức thu nhập hoặc chi tiêu tối thiểu cần thiết để duy trì cuộc sống cơ bản, gồm các mặt hàng LTTP và phi LTTP thiết yếu.

(2) Về phương pháp tính: phương pháp thường được các quốc gia sử dụng để tính toán MSTT là phương pháp *Trị giá các nhu cầu tối thiểu* (Cost of Basic Needs - CBN).

(3) Về công bố số liệu: số liệu MSTT đều được các quốc gia công bố định kỳ.

(4) Về sử dụng số liệu: số liệu MSTT được các quốc gia sử dụng để xác định chuẩn nghèo, mức lương tối thiểu và các chuẩn chính sách xã hội khác.

*- Thực trạng công tác thu thập, tính toán và công bố số liệu về MSTT của dân cư ở Việt Nam*

Nguồn dữ liệu sử dụng để tính toán MSTT của dân cư là thông tin về chi tiêu từ Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam (KSMS). KSMS là cuộc điều tra chọn mẫu trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia do Cục Thống kê (trước đây là Tổng cục Thống kê) thực hiện nhằm thu thập thông tin phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia về mức sống hộ dân cư; đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê trong việc đánh giá thực trạng đời sống của dân cư; đo lường nghèo và phân hóa giàu nghèo trong cộng đồng dân cư; phục vụ hoạch định chính sách, giám sát và đánh giá một số chương trình mục tiêu quốc gia. Lực lượng tham gia KSMS là công chức, viên chức trong ngành Thống kê. Kinh phí của KSMS do Ngân sách nhà nước cấp và được sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có của ngành Thống kê trong triển khai thực hiện KSMS.

MSTT của dân cư được Cục Thống kê tính toán từ năm 1998 để xác định chuẩn nghèo theo phương pháp luận quốc tế. Từ năm 2006, MSTT của dân cư được Cục Thống kê tính toán làm căn cứ để xác định chuẩn nghèo quốc gia cho các giai đoạn 5 năm: 2006-2010, 2011-2015, 2016-2020 và 2021-2025.

MSTT của dân cư ở Việt Nam được tính toán theo phương pháp *Trị giá các nhu cầu tối thiểu* (Cost of Basic Need Method - CBN). MSTT là trị giá của các mặt hàng LTTP và phi LTTP thiết yếu đảm bảo các nhu cầu về vật chất cũng như tinh thần của con người để có được một thể chất và tâm lý bình thường. Trong đó, lượng Calo của các mặt hàng LTTP thiết yếu trong MSTT đối với người Việt Nam là 2.100 Kcal/1 người/1 ngày.

Số liệu về MSTT của dân cư được công bố trong ấn phẩm Kết quả Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam hằng năm. Từ năm 2024, số liệu về MSTT của dân cư được công bố trong Niên giám Thống kê.

*Hạn chế, tồn tại*

Số lượng các hộ dân cư được thu thập thông tin để tính toán MSTT của dân cư trong KSMS mới đảm bảo đại diện cho chung cả nước, chưa đáp ứng tốt nhất khi tính toán MSTT của dân cư cho khu vực thành thị và nông thôn.

*- Thực trạng sử dụng số liệu MSTT của dân cư ở Việt Nam*

(1) MSTT của dân cư làm căn cứ để xác định chuẩn nghèo

Trước năm 2016, MSTT của dân cư được sử dụng làm căn cứ để xác định chuẩn nghèo đơn chiều (nghèo tiền tệ). Từ năm 2016 đến nay, MSTT của dân cư được sử dụng làm căn cứ để xác định *Tiêu chí thu nhập* trong chuẩn nghèo đa chiều cho các giai đoạn 5 năm 2016-2020 và 2021-2025.

(2) MSTT của dân cư làm căn cứ để xác định các chuẩn chính sách xã hội khác

Ngoài được sử dụng làm căn cứ để xác định chuẩn nghèo, MSTT của dân cư còn được sử dụng để xác định mức sống trung bình, mức chuẩn trợ giúp xã hội cho các đối tượng nhận trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng theo quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

# 1.1.3. Vai trò của mức sống tối thiểu của người lao động trong xác định các chuẩn chính sách xã hội

*- Khái niệm và phương pháp tính MSTT của người lao động*

MSTT của người lao động là khoản tiền một người lao động cần để duy trì cuộc sống bình thường, đảm bảo sức khỏe, khả năng làm việc và tái sản xuất sức lao động. MSTT của người lao động gồm nhu cầu tiêu dùng về các mặt hàng LTTP và phi LTTP thiết yếu, trong đó tiêu chí để xác định khối lượng các mặt hàng LTTP thiết yếu trong MSTT của người lao động là lượng Calo mà các mặt hàng này cung cấp để người lao động làm công việc đơn giản nhất, chưa qua đào tạo trong điều kiện bình thường.

Giống như MSTT của dân cư, phương pháp tính MSTT của người lao động được sử dụng phổ biến cũng là phương pháp *Trị giá các nhu cầu tối thiểu* (Cost of Basic Need Method - CBN). Theo đó, MSTT là trị giá của các mặt hàng LTTP và phi LTTP thiết yếu đảm bảo duy trì cuộc sống bình thường, đảm bảo sức khỏe, khả năng làm việc và tái sản xuất sức lao động của người lao động làm công việc đơn giản nhất, chưa qua đào tạo trong điều kiện bình thường.

*- Kinh nghiệm quốc tế trong tính toán, công bố, sử dụng số liệu về MSTT của người lao động*

MSTT của người lao động được đề cập trong Hướng dẫn của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về nguyên tắc tính mức lương tối thiểu đủ sống.

ILO đề xuất các quốc gia tính mức lương đủ sống phải phù hợp với các nguyên tắc của ILO về xác định mức lương và phù hợp với các Công ước ILO, đặc biệt là Công ước số 131 năm 1970 về ấn định tiền lương tối thiểu. Theo ILO, tính mức lương đủ sống là chuyển từ khái niệm mức lương đủ sống thành giá trị tiền tệ quốc gia. Đồng thời, việc tính mức lương đủ sống đóng góp và cung cấp thông tin cho đối thoại xã hội dựa trên bằng chứng để xác lập mức lương.

Các nguyên tắc tính mức lương đủ sống ILO đưa ra bao gồm:

(1) Ước tính nhu cầu của người lao động và gia đình họ thông qua các phương pháp dựa trên bằng chứng.

(2) Tham vấn với các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động về tính mức lương đủ sống và sự tham gia của các đối tác xã hội trong suốt quá trình, nhằm đảm bảo quyền chủ động của quốc gia và/hoặc địa phương.

(3) Tính minh bạch, bao gồm các chi tiết liên quan đến nguồn dữ liệu và phương pháp xử lý, có thể xem xét kỹ lưỡng, toàn diện và có thể nhân rộng.

(4) Tính chắc chắn của dữ liệu về tính đại diện và phương pháp thu thập dữ liệu minh bạch.

(5) Công khai kịp thời việc tính toán, dữ liệu và phương pháp luận.

(6) Cụ thể về việc ước tính là mức tổng hay mức ròng, nghĩa là các khoản như đóng góp an sinh xã hội có được bao gồm hay không.

(7) Điều chỉnh thường xuyên để xem xét những thay đổi về chi phí sinh hoạt và mô hình tiêu dùng.

(8) Kiểm soát chất lượng, bao gồm đánh giá và xác nhận hợp lý về mặt kỹ thuật cũng như đánh giá định kỳ để cải tiến liên tục.

(9) Thúc đẩy bình đẳng giới và không phân biệt đối xử.

(10) Xem xét bối cảnh khu vực hoặc địa phương và thực tế kinh tế - xã hội và văn hóa.

Đồng thời, ILO cũng đưa ra phương pháp ước tính nhu cầu của người lao động và gia đình họ làm cơ sở cho việc xác định mức lương tối thiểu của các quốc gia cùng với các chỉ số kinh tế khác. Để ước tính mức lương tối thiểu đủ trang trải nhu cầu của người lao động và gia đình họ, nhiều yếu tố cần được tính đến như quy mô hộ gia đình, số người lao động làm việc có thu nhập trong mỗi hộ gia đình và chi phí sinh hoạt. Phương pháp của ILO như sau:

Các cấu phần nhu cầu của người lao động và gia đình họ được ILO xác định bao gồm chi tiêu cho lương thực thực phẩm, nhà ở, y tế, giáo dục và các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác, được ước tính dựa trên dữ liệu từ các cuộc điều tra về thu nhập và chi tiêu của các hộ gia đình. Cụ thể, phương pháp ước tính gồm các bước như sau:

+ Bước 1: Ước tính MSTT của một người lao động

(1) Chi phí LTTP: một chế độ ăn uống chi phí cung cấp đủ lượng calo, protein và chất béo và phù hợp với nhóm dân số mục tiêu, được đo lường theo chuẩn mực dựa trên các tiêu chuẩn calo và chất dinh dưỡng do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) xác định. Dựa trên thang đo “lượng năng lượng tương đương người lớn” “adult equivalent energy intake” (thang đo AEEI) do FAO/WHO khuyến nghị, phương pháp của ILO tính chi phí LTTP cho 1 nam giới trưởng thành trong độ tuổi 30-60 cần 2.950 Kcal mỗi ngày, trong khi 1 phụ nữ cùng độ tuổi cần 2.400 Kcal mỗi ngày, tức là nhu cầu calo của người phụ nữ tương ứng với 0,81 AEEI (2.400/2.950) và tổng nhu cầu calo cho một gia đình là 5.350 Kcal mỗi ngày, tương đương 1,81 AEEI (5.350/2.950).

(2) Chi phí nhà ở: một nơi ở cơ bản với tiêu chuẩn chấp nhận được theo khuyến nghị của Chương trình Liên hợp quốc về nhà ở (UN-Habitat), được đo lường theo chuẩn mực dựa trên các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về các đặc điểm nhà ở phù hợp, chẳng hạn như không gian sống, độ bền, tiện nghi và khả năng tiếp cận nước. Thang đo này được phân chia và xếp hạng các hộ gia đình của quốc gia thành 5 nhóm dựa trên tổng chi tiêu hàng tháng của mỗi nhóm cho mỗi người lớn tương đương. Thang đo nhà ở tương đương người lớn ở cấp quốc gia tham chiếu là thang do Cơ quan thống kê quốc gia xây dựng (nếu có) hoặc thang đo tương đương người lớn của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) (còn được gọi là "thang đo Oxford"), với giá trị nhà ở 1 đơn vị cho chủ hộ cộng thêm 0,7 đơn vị cho mỗi thành viên người lớn và 0,5 đơn vị cho mỗi trẻ em ở cùng.

(3) Chi phí y tế và giáo dục: mức chi tiêu cơ bản cho y tế và giáo dục được ước tính bằng cách sử dụng phương pháp tiếp cận tương đối dựa trên sự phân bổ chi tiêu quốc gia cho y tế và giáo dục.

(4) Chi phí cho các hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác: tổng hợp tất cả các thành phần chi tiêu khác (như quần áo và phương tiện đi lại), được ước tính bằng cách sử dụng phương pháp tiếp cận tương đối dựa trên phân bổ chi tiêu quốc gia về các khoản chi tiêu này.

Phương pháp ILO kết hợp phương pháp tuyệt đối để tính chi phí LTTP, nhà ở và phương pháp tương đối để tính chi phí giáo dục, y tế và các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác – một sự kết hợp phù hợp với nguyên tắc của Công ước số 131, kết hợp cả thực tế kinh tế - xã hội của quốc gia với mức sống của các nhóm xã hội khác nhau.

+ Bước 2: Tính mức lương tối thiểu đủ sống đáp ứng nhu cầu của người lao động và gia đình họ theo công thức:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| MSTT của người lao động | x | Số người/ tương đương người lớn |  | Mức lương tối thiểu đủ sống đáp ứng nhu cầu của người lao động và gia đình |
|  | | | = |
| Số người lao động trong gia đình | | |  |

*Bài học kinh nghiệm*

Mức lương tối thiểu đủ sống theo hướng dẫn của ILO được xác định dựa trên nhu cầu cơ bản của người lao động, bao gồm chi tiêu cho lương thực thực phẩm, nhà ở, y tế, giáo dục và các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác. Đây chính là các cấu phần tạo thành MSTT của người lao động. Do vậy, MSTT của người lao động là căn cứ quan trọng để xác định mức lương tối thiểu.

*- Thực trạng công tác thu thập, tính toán và công bố số liệu về MSTT của người lao động ở Việt Nam*

Nguồn dữ liệu sử dụng để tính toán MSTT của người lao động hiện nay là thông tin về chi tiêu từ KSMS do Cục Thống kê thực hiện và các thông tin về tình hình kinh tế - xã hội. Từ 2006 đến nay, theo yêu cầu của Hội đồng Tiền lương Quốc gia, Cục Thống kê đã cung cấp đầy đủ số liệu và phối hợp với Hội đồng Tiền lương Quốc gia tính toán MSTT của người lao động và gia đình người lao động hàng năm để tạo cơ sở cho các bên tham gia Hội đồng thương lượng, đàm phán xác định mức lương tối thiểu (theo 4 vùng) và khuyến nghị các định hướng chính sách tiền lương.

MSTT của người lao động được Bộ phận kỹ thuật thuộc Hội đồng Tiền lương Quốc gia tính toán trên cơ sở MSTT của thành viên trong các hộ dân cư có ít nhất 1 người lao động làm công việc được nhận tiền lương, tiền công. MSTT này được tính toán theo phương pháp *Trị giá các nhu cầu tối thiểu* bao gồm trị giá của các mặt hàng LTTP và phi LTTP thiết yếu, trong đó lượng Calo của các mặt hàng LTTP thiết yếu là 2.300 Kcal/1 người/1 ngày.

Số liệu về MSTT của người lao động được công bố trong báo cáo phương án lương tối thiểu hằng năm của Bộ phận kỹ thuật thuộc Hội đồng Tiền lương Quốc gia.

*Hạn chế, tồn tại*

Do nguồn dữ liệu sử dụng để tính toán MSTT của người lao động hiện nay là thông tin về chi tiêu từ KSMS được thu thập chung cho cả hộ dân cư nên không thể bóc tách được các khoản chi tiêu riêng của từng người lao động trong hộ. Việc quy ước sử dụng dữ liệu của các hộ dân cư có ít nhất 1 người lao động làm công việc được nhận tiền lương, tiền công để tính toán MSTT của người lao động là chưa đầy đủ và chính xác.

*- Thực trạng sử dụng số liệu MSTT của người lao động ở Việt Nam*

Hội đồng Tiền lương Quốc gia căn cứ vào MSTT của người lao động để đưa ra các phương án điều chỉnh lương tối thiểu hàng năm tạo cơ sở cho các bên tham gia Hội đồng thương lượng, đàm phán xác định mức lương tối thiểu (theo 4 vùng) và khuyến nghị các định hướng chính sách tiền lương.

# 1.2. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án

(1) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 Hội nghị lần thứ 7 BCH TW khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

(2) Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW.

(3) Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 BCH TW khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

(4) Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW.

(5) Quyết định số 1463/QĐ-BKHĐT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 BCH TW khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

(6) Luật Thống kê số 89/2015/QH13, ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021.

(7) Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(8) Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016-NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(9) Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

# II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

# 2.1. Quan điểm xây dựng Đề án

(1) Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, cải cách chính sách tiền lương, bảo đảm mức sống tối thiểu (MSTT) cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo; trong đó Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018, Hội nghị lần thứ 7 BCH TW khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ 8 BCH TW khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

(2) Kết hợp chặt chẽ phương pháp luận thống kê, nguyên tắc biên soạn chỉ tiêu thống kê, phương pháp xác định MSTT phải đảm bảo tính khoa học và phù hợp với thể trạng người Việt Nam và bài học kinh nghiệm tích lũy được với thực tiễn, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước; nguồn số liệu để tính toán MSTT phải đầy đủ, khả thi, thông tin phải đảm bảo chất lượng, phản ánh xác thực MSTT của dân cư và người lao động; ứng dụng tối đa công nghệ và cơ sở dữ liệu sẵn có trong thu thập, tính toán, biên soạn, cung cấp, công bố, phổ biến số liệu MSTT tới các đối tượng sử dụng, phục vụ xây dựng chuẩn chính sách xã hội nói riêng và chính sách xã hội nói chung, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

(3) Các nội dung chủ yếu phải được cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch hành động, phân định rõ trách nhiệm trong triển khai thực hiện; các giải pháp được thực hiện đồng bộ về nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo nguồn nhân lực và những điều kiện khác trong quá trình triển khai thực hiện. Thường xuyên cập nhật, bổ sung hoàn thiện, đảm bảo thông tin phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của đất nước.

# 2.2. Mục tiêu của Đề án

# 2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và công bố mức sống tổi thiểu hằng năm làm căn cứ xác định các chuẩn chính sách xã hội.

# 2.2.2. Mục tiêu cụ thể

(1) Nâng cao chất lượng nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT của dân cư đảm bảo từ năm 2026 số liệu MSTT của dân cư chia theo khu vực thành thị và nông thôn được công bố hằng năm.

(2) Xác định phương pháp tính và nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT của người lao động đảm bảo từ năm 2028 số liệu MSTT của người lao động được công bố hằng năm.

(3) Xây dựng kế hoạch công bố số liệu MSTT của dân cư và của người lao động hằng năm.

# III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

# 3.1. Nghiên cứu cải tiến Phương án KSMS và triển khai KSMS theo Phương án được cải tiến để đảm bảo nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT của dân cư cho khu vực thành thị và nông thôn

- Đánh giá chất lượng thông tin sử dụng để tính toán MSTT của dân cư được thu thập trong KSMS, bao gồm tính đầy đủ và độ tin cậy của thông tin. Các thông tin sử dụng để tính toán MSTT của dân cư cần được đánh giá là các khoản chi tiêu của hộ dân cư, gồm chi tiêu các mặt hàng LTTP và phi LTTP.

- Nghiên cứu tăng cỡ mẫu của các hộ được thu thập thông tin về chi tiêu trong KSMS đảm bảo đủ lớn để đại diện khi tính toán MSTT của dân cư cho khu vực thành thị và nông thôn.

Các thông tin sử dụng để tính toán MSTT của dân cư trong KSMS là các thông tin về chi tiêu của hộ dân cư. Tuy nhiên, hiện nay số hộ được thu thập thông tin về chi tiêu trong KSMS là khoảng 9.400 hộ và chỉ có gần 1.900 hộ (chiếm 20%) được chọn là nhóm tham chiếu để tính toán MSTT. Số hộ trong nhóm tham chiếu này chỉ đủ đảm bảo để đại diện khi tính toán MSTT cho cấp quốc gia, khi chia số hộ này để tính toán MSTT theo khu vực thành thị và nông thôn sẽ không đảm bảo độ tin cậy. Chính vì vậy, các hộ được thu thập thông tin về chi tiêu trong KSMS cần được nghiên cứu để tăng lên đảm bảo đủ lớn để đại diện khi tính toán MSTT của dân cư cho khu vực thành thị và nông thôn.

- Triển khai KSMS theo Phương án được cải tiến theo Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

# 3.2. Nghiên cứu xây dựng phương pháp tính và nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT của người lao động

- Xây dựng phương pháp tính MSTT của người lao động trên cơ sở nghiên cứu và rà soát phương pháp *Trị giá các nhu cầu tối thiểu* (Cost of Basic Need Method - CBN), bao gồm xác định danh mục các mặt hàng LTTP và phi LTTP tối thiểu và tiêu chí để xác định khối lượng các mặt hàng này trong MSTT của người lao động.

- Nghiên cứu xây dựng Phương án Điều tra Chi tiêu của người lao động trên cơ sở xác định đầy đủ các nội dung thông tin cần thu thập, đúng đối tượng người lao động để thu thập thông tin, tuyển chọn lực lượng điều tra viên và giám sát viên đảm bảo chất lượng và áp dụng tối đa công nghệ thông tin trong thu thập và xử lý thông tin. Sau khi xây dựng Phương án Điều tra Chi tiêu của người lao động sẽ tiến hành thử nghiệm Điều tra Chi tiêu của người lao động để đánh giá tính khả thi của cuộc điều tra đồng thời cung cấp nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT của người lao động.

# 3.3. Tính toán MSTT của dân cư và MSTT của người lao động

- Sử dụng nguồn thông tin thu thập trong KSMS theo Phương án KSMS được cải tiến để tính toán MSTT của dân cư.

- Sử dụng nguồn thông tin thu thập trong Điều tra Chi tiêu của người lao động để tính toán MSTT của người lao động theo phương pháp đã được xây dựng.

# 3.4. Xây dựng kế hoạch công bố số liệu MSTT của dân cư và MSTT của người lao động hằng năm

Nghiên cứu xây dựng kế hoạch công bố số liệu MSTT của dân cư và MSTT của người lao động hằng năm, bao gồm:

- Nội dung số liệu MSTT của dân cư và MSTT của người lao động được công bố.

- Hình thức công bố số liệu.

- Thời gian, thời điểm công bố số liệu.

# IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

# 4.1. Tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành để thực hiện Đề án

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, hoàn thiện các chương trình, kế hoạch hành động của Đề án.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành trong công tác xây dựng, thu thập, tính toán và công bố số liệu MSTT của dân cư và MSTT của người lao động ở Việt Nam.

- Các bộ, ngành thống nhất sử dụng số liệu MSTT của dân cư và MSTT của người lao động làm căn cứ xác định các chuẩn chính sách xã hội liên quan đến chức năng, nhiệm vụ.

# 4.2. Nghiên cứu phương pháp luận và kinh nghiệm của quốc tế về tính toán và công bố số liệu MSTT của dân cư và MSTT của người lao động

- Nghiên cứu tài liệu về phương pháp tính toán MSTT của dân cư và MSTT của người lao động của các tổ chức quốc tế và một số quốc gia để đánh giá và lựa chọn phương pháp phù hợp cho Việt Nam.

- Nghiên cứu về kinh nghiệm công bố số liệu MSTT của dân cư và MSTT của người lao động của một số quốc gia để áp dụng vào thực tiễn của Việt Nam.

# 4.3. Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác thu thập, tính toán và công bố số liệu về MSTT của dân cư và MSTT của người lao động

- Tổ chức tốt hội nghị tập huấn nghiệp vụ của KSMS và Điều tra Chi tiêu của người lao động, đặc biệt là kỹ năng khai thác thông tin của các điều tra viên.

- Tổ chức các hội thảo khoa học và các các khóa đào tạo về sử dụng dữ liệu KSMS và Điều tra Chi tiêu của người lao động để tính toán MSTT của dân cư và MSTT của người lao động

# 4.4. Bảo đảm cơ sở vật chất, nhân lực và nguồn lực tài chính thực hiện Đề án

- Bộ Tài chính sử dụng cơ sở vật chất của ngành từ Trung ương đến địa phương để thực hiện Đề án theo các chương trình và kế hoạch hành động.

- Nhân lực được huy động thực hiện Đề án bao gồm: lãnh đạo, công chức viên chức của Bộ Tài chính và các chuyên gia từ các Bộ, ngành liên quan.

- Nguồn kinh phí triển khai thực hiện Đề án được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để bảo đảm thực hiện các hoạt động sau:

(1) Nghiên cứu cải tiến Phương án Khảo sát mức sống dân cư thực hiện năm 2026.

(2) Nghiên cứu xây dựng Phương án Điều tra Chi tiêu của người lao động thực hiện năm 2026.

(3) Triển khai Khảo sát mức sống dân cư theo Phương án được cải tiến, bổ sung kinh phí cho phần mẫu thu nhập - chi tiêu được mở rộng thêm thực hiện năm 2026.

(4) Tiến hành thử nghiệm Điều tra Chi tiêu của người lao động thực hiện năm 2027.

(5) Tính toán MSTT của dân cư và MSTT của người lao động thực hiện năm 2026-2027.

(6) Xây dựng kế hoạch công bố số liệu MSTT của dân cư và MSTT của người lao động hằng năm thực hiện năm 2028.

# V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

# 5.1. Lộ trình thực hiện Đề án

(1) Năm 2026 chuẩn bị triển khai Đề án với các hoạt động:

- Nghiên cứu cải tiến Phương án Khảo sát mức sống dân cư

- Nghiên cứu xây dựng Phương án Điều tra Chi tiêu của người lao động

(2) Năm 2026 - 2028 chính thức thực hiện Đề án

- Triển khai Khảo sát mức sống dân cư theo Phương án được cải tiến

- Tiến hành thử nghiệm Điều tra Chi tiêu của người lao động

- Tính toán MSTT của dân cư và của người lao động

(3) Năm 2028 tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi các cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định.

# 5.2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

(1) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, hoàn thiện các chương trình, kế hoạch hành động và điều phối chung việc triển khai thực hiện Đề án.

(2) Giám sát quá trình triển khai thực hiện Đề án; chủ động hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh kịp thời các vấn đề phát sinh.

(3) Chủ trì xây dựng khái toán kinh phí thực hiện Đề án những năm 2026 - 2028; bao gồm kinh phí chuẩn bị năm 2026 và triển khai thực hiện Đề án kinh phí giai đoạn 2026 - 2028; tổng hợp dự toán phần kinh phí do ngân sách Trung ương bố trí, trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan.

(4) Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình, kế hoạch hành động được phân công thuộc phạm vi Đề án.

(5) Hằng năm tổng hợp tình hình thực hiện Đề án và năm 2028 tổng kết kết quả thực hiện Đề án báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi các cơ quan, tổ chức liên quan.

# 5.3. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

(1) Phân công đơn vị chịu trách nhiệm; bố trí nhân lực, kinh phí và các điều kiện khác triển khai thực hiện những nội dung liên quan của hoạt động số 1, 2, 5, 6 trong Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Đề án. Đánh giá kết quả thực hiện, lập báo cáo gửi Bộ Tài chính tổng hợp chung.

(2) Thống nhất sử dụng số liệu MSTT của dân cư làm căn cứ xác định chuẩn nghèo đa chiều và các chuẩn chính sách xã hội liên quan khác.

# 5.4. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

(1) Phân công đơn vị chịu trách nhiệm; bố trí nhân lực, kinh phí và các điều kiện khác triển khai thực hiện những nội dung liên quan của hoạt động số 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Đề án. Đánh giá kết quả thực hiện, lập báo cáo gửi Bộ Tài chính tổng hợp chung.

(2) Thống nhất sử dụng số liệu MSTT của dân cư và của người lao động làm căn cứ xác định các chuẩn chính sách xã hội liên quan.

# 5.5. Trách nhiệm của Bộ Y tế

(1) Phân công đơn vị chịu trách nhiệm; bố trí nhân lực, kinh phí và các điều kiện khác triển khai thực hiện những nội dung liên quan của hoạt động số 2, 4, 5, 6 trong Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Đề án. Đánh giá kết quả thực hiện, lập báo cáo gửi Bộ Tài chính tổng hợp chung.

(2) Thống nhất sử dụng số liệu MSTT của dân cư làm căn cứ xác định các chuẩn chính sách xã hội liên quan.

# 5.6. Trách nhiệm của Hội đồng tiền lương quốc gia

(1) Phân công đơn vị chịu trách nhiệm; bố trí nhân lực, kinh phí và các điều kiện khác triển khai thực hiện những nội dung liên quan của hoạt động số 3, 4, 5, 6 trong Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Đề án. Đánh giá kết quả thực hiện, lập báo cáo gửi Bộ Tài chính tổng hợp chung.

(2) Thống nhất sử dụng số liệu MSTT của người lao động làm căn cứ xác định mức lương tối thiểu.

# 5.7. Trách nhiệm của Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

(1) Phân công đơn vị chịu trách nhiệm; bố trí nhân lực, kinh phí và các điều kiện khác triển khai thực hiện những nội dung liên quan của hoạt động số 3, 4, 5, 6 trong Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Đề án. Đánh giá kết quả thực hiện, lập báo cáo gửi Bộ Tài chính tổng hợp chung.

(2) Thống nhất sử dụng số liệu MSTT của người lao động làm căn cứ xác định các chuẩn chính sách xã hội liên quan.

# VI. TÍNH KHẢ THI, TÍNH HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

# 6.1. Tính khả thi của Đề án

- Đề án được xây dựng trên cơ sở những căn cứ pháp lý đối với chỉ tiêu MSTT được quy định trong Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 và Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023.

- MSTT được xây dựng và tính toán theo phương pháp khoa học của quốc tế, nghiên cứu áp dụng phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam. Nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT được cơ quan có nghiệp vụ chuyên môn sâu và nhiều kinh nghiệm là Cục Thống kê thu thập theo phương pháp khoa học nên đảm bảo cung cấp nguồn thông tin đầy đủ và tin cậy.

- Lực lượng tham gia xây dựng, thu thập, tính toán và công bố MSTT là đội ngũ chuyên gia, công chức, viên chức của Bộ Tài chính và các chuyên gia từ các Bộ, ngành liên quan có nghiệp vụ chuyên môn sâu, có nhiều kinh nghiệm đảm bảo thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch hành động của Đề án.

- Mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án được triển khai thực hiện bằng hệ thống các giải pháp đồng bộ; được cụ thể hóa bằng các chương trình, kế hoạch hành động đảm bảo Đề án có tính khả thi cao.

# 6.2. Tính hiệu quả của Đề án

- Kết quả của Đề án góp phần quan trọng để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 và Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024.

- Đề án cung cấp số liệu góp phần để các Bộ, ngành liên quan thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, cụ thể là:

+ Cung cấp số liệu về MSTT của dân cư để làm căn cứ xác định chuẩn nghèo và các chuẩn chính sách xã hội khác.

+ Cung cấp số liệu về MSTT của người lao động để làm căn cứ xác định mức lương tối thiểu và khuyến nghị các định hướng chính sách tiền lương.

- Thông qua việc thực hiện Đề án, năng lực về nghiên cứu khoa học, kỹ năng sử dụng phần mềm để xử lý số liệu và kỹ năng tổng hợp, phân tích của đội ngũ tham gia Đề án được nâng cao.

# 6.3. Đề xuất, kiến nghị

(1) Bổ sung chỉ tiêu MSTT vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Hiện nay, MSTT là một chỉ tiêu được tính toán để làm căn cứ xác định chuẩn nghèo, chuẩn chính sách xã hội khác, mức lương tối thiểu và khuyến nghị các định hướng chính sách tiền lương. Để đảm bảo tính pháp lý, cần phải bổ sung chỉ tiêu MSTT vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, định kỳ công bố hằng năm.

(2) Bổ sung cuộc Điều tra Chi tiêu của người lao động vào Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Dữ liệu để tính toán MSTT cần phải được cung cấp từ 2 nguồn. MSTT của dân cư được tính toán từ dữ liệu của KSMS. Đây là cuộc điều tra đã có trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Trong khi đó, thông tin để tính toán MSTT của người lao động sẽ do Điều tra Chi tiêu của người lao động cung cấp. Cuộc điều tra này là cuộc điều tra mới được đề xuất trong Đề án do vậy để đảm bảo nguồn lực thực hiện định kỳ cần phải bổ sung Điều tra Chi tiêu của người lao động vào Chương trình điều tra thống kê quốc gia, định kỳ 3 năm tổ chức điều tra 1 lần. Đối với những năm không có điều tra, MSTT được cập nhật theo Chỉ số giá tiêu dùng (CPI).

# PHỤ LỤC 01. DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

***(1) Nghiên cứu cải tiến Phương án Khảo sát mức sống dân cư để đảm bảo nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT của dân cư cho khu vực thành thị và nông thôn***

i. Mục tiêu: nâng cao chất lượng nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT của dân cư

ii. Nội dung chủ yếu:

- Đánh giá chất lượng thông tin sử dụng để tính toán MSTT của dân cư được thu thập trong KSMS, bao gồm tính đầy đủ và độ tin cậy của thông tin.

- Nghiên cứu tăng cỡ mẫu của các hộ được thu thập thông tin-về chi tiêu trong KSMS đảm bảo đủ lớn để đại diện khi tính toán MSTT của dân cư cho khu vực thành thị và nông thôn.

iii. Thời gian thực hiện: Năm 2026.

iv. Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính (Cục Thống kê).

v. Cơ quan phối hợp: Bộ, ngành

***(2) Triển khai Khảo sát mức sống dân cư theo Phương án được cải tiến và tính toán MSTT của dân cư***

i. Mục tiêu: thu thập thông tin và tính toán MSTT của dân cư đại diện cho cả nước và khu vực thành thị, khu vực nông thôn.

ii. Nội dung chủ yếu:

- Triển khai Khảo sát mức sống dân cư với cỡ mẫu được cải tiến (tăng cỡ mẫu của các hộ được thu thập thông tin thu nhập - chi tiêu trong KSMS).

- Tính toán MSTT của dân cư.

iii. Thời gian thực hiện: Năm 2026

iv. Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính (Cục Thống kê).

v. Cơ quan phối hợp: Bộ, ngành

***(3) Nghiên cứu xây dựng Phương án Điều tra Chi tiêu của người lao động đảm bảo nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT của người lao động***

i. Mục tiêu: xây dựng Phương án Điều tra Chi tiêu của người lao động đảm bảo nguồn số liệu phục vụ tính toán MSTT của người lao động

ii. Nội dung chủ yếu:

- Nghiên cứu kinh nghiệm tiến hành Điều tra Chi tiêu của người lao động.

- Đề xuất Phương án Điều tra Chi tiêu của người lao động.

iii. Thời gian thực hiện: Năm 2026

iv. Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính (Cục Thống kê).

v. Cơ quan phối hợp: Bộ, ngành

***(4) Tiến hành thử nghiệm Điều tra Chi tiêu của người lao động và tính toán MSTT của người lao động***

i. Mục tiêu: thử nghiệm thu thập thông tin để phục vụ tính toán MSTT của người lao động, rút kinh nghiệm để triển khai Điều tra Chi tiêu của người lao động chính thức và tính toán MSTT của người lao động

ii. Nội dung chủ yếu:

- Triển khai Điều tra Chi tiêu của người lao động theo phương án đề xuất.

- Đánh giá tính khả thi, những khó khăn, hạn chế để hoàn thiện phương án điều tra.

- Tính toán MSTT của người lao động.

- Đánh giá chất lượng số liệu.

iii. Thời gian thực hiện: Năm 2027

iv. Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính (Cục Thống kê).

v. Cơ quan phối hợp: Bộ, ngành

***(5) Xây dựng kế hoạch công bố số liệu MSTT của dân cư và MSTT của người lao động hằng năm***

i. Mục tiêu: xây dựng kế hoạch công bố số liệu MSTT của dân cư và của người lao động hằng năm phù hợp, đáp ứng cung cấp số liệu kịp thời cho các Bộ, ngành làm căn cứ xác định các chuẩn chính sách xã hội.

ii. Nội dung chủ yếu:

- Xác định nội dung thông tin công bố.

- Hình thức công bố.

- Thời gian công bố.

iii. Thời gian thực hiện: Năm 2028.

iv. Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính (Cục Thống kê).

v. Cơ quan phối hợp: Bộ, ngành

***(6) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án***

i. Mục tiêu: Đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và cung cấp cho các cơ quan, tổ chức liên quan.

ii. Nội dung:

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Đề án đánh giá kết quả đạt được và những mặt cần tiếp tục hoàn thiện, chỉ rõ nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và công bố công khai, minh bạch.

iii. Thời gian thực hiện: Năm 2028.

iv. Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính (Cục Thống kê).

v. Cơ quan phối hợp: Bộ, ngành./.

# PHỤ LỤC 02. DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG VÀ CÔNG BỐ MỨC SỐNG TỐI THIỂU HẰNG NĂM

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chương trình hành động** | **Thời gian thực hiện** | **Cơ quan chủ trì** | **Khái toán  (tỷ đồng)** |
| **I** | **KINH PHÍ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN** |  |  | **0,150** |
| 1 | Nghiên cứu xây dựng đề án | 2025 | Bộ Tài chính (Cục Thống kê) | 0,066 |
| 2 | Nghiên cứu xây dựng Chương trình, kế hoạch triển khai đề án | 2025 | Bộ Tài chính (Cục Thống kê) | 0,040 |
| 3 | Hội thảo khoa học xây dựng đề án và kế hoạch triển khai đề án (02 hội thảo) và chi khác | 2025 | Bộ Tài chính (Cục Thống kê) | 0,044 |
| **II** | **KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN** |  |  | **23,1** |
| 1 | Nghiên cứu cải tiến Phương án Khảo sát mức sống dân cư năm 2026 để thu thập và tính toán mức sống tối thiểu của dân cư theo khu vực thành thị và nông thôn và triển khai khảo sát; tính toán mức sống tối thiểu của dân cư | 2026 | Bộ Tài chính (Cục Thống kê) | 2,0 |
| 2 | Nghiên cứu xây dựng phương án Điều tra chi tiêu của người lao động đảm bảo nguồn số liệu phục vụ tính toán mức sống tối thiểu của người lao động. | 2026 | Bộ Tài chính (Cục Thống kê) | 0,5 |
| 3 | Triển khai thử nghiệm Điều tra chi tiêu của người lao động đảm bảo nguồn số liệu phục vụ tính toán mức sống tối thiểu của người lao động và tính toán mức sống tối thiểu của người lao động. | 2027 | Bộ Tài chính (Cục Thống kê) | 20,0 |
| 4 | Công bố mức sống tối thiểu của dân cư và của người lao động. | 2027 | Bộ Tài chính (Cục Thống kê) | 0,1 |
| 5 | Xây dựng kế hoạch công bố mức sống tối thiểu của dân cư và người lao động hằng năm | 2028 | Bộ Tài chính (Cục Thống kê) | 0,2 |
| 6 | Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đề án. | 2028 | Bộ Tài chính (Cục Thống kê) | 0,3 |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **23,25** |